

Số: 515 /QĐ-HĐTV-HSX

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2015

## **QUY CHẾ**

**Cấp tín dụng phục vụ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn  
theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ**

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) ban hành theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/04/2012 của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Thông báo số 148/TB-HĐTV ngày 29/7/2015 của Hội đồng thành viên Agribank;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Agribank,

### **QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH:**

**Quy chế cấp tín dụng phục vụ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn  
theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ**

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Trụ sở chính; Chi nhánh (trừ chi nhánh ở nước ngoài), Phòng giao dịch thuộc hệ thống Agribank.

2. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là khách hàng) được vay vốn theo quy định tại Quyết định này, bao gồm:

a) Cá nhân, hộ gia đình cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

b) Hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn nông thôn;

c) Chủ trang trại;

d) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

đ) Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ các đối tượng sau: Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp khai khoáng, các cơ sở sản xuất thủy điện, nhiệt điện và các doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm e Khoản 2 Điều này nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất;

e) Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Nông thôn** là khu vực địa giới hành chính không bao gồm các phường thuộc quận, thị xã, thành phố.

2. **Nông nghiệp** là phân ngành trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân, bao gồm các lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản.

3. **Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn** bao gồm một số chính sách, biện pháp của Nhà nước để tạo điều kiện đối với tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đồng thời khuyến khích các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay đối với lĩnh vực này, nhằm góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

4. **Hộ kinh doanh** do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá 10 (mười) lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

5. **Chủ trang trại** là cá nhân, hộ gia đình thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

6. **Tổ hợp tác** được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba (03) cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

Tổ hợp tác có đủ điều kiện để trở thành pháp nhân theo quy định của pháp luật thì đăng ký hoạt động với tư cách pháp nhân tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. **Hợp tác xã** là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

8. **Liên hiệp hợp tác xã** là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất bốn (04) hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã.

9. **Cho vay lưu vụ** là phương thức cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liên kế trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm, theo đó Agribank và khách hàng thỏa thuận dư nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của 02 (hai) chu kỳ sản xuất liên tiếp.

10. **Liên kết trong sản xuất nông nghiệp** là hình thức hợp tác, liên kết trên cơ sở có hợp đồng ký kết giữa các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp trong các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

11. **Liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp** là hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi tắt là liên kết theo chuỗi giá trị).

12. **Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao** là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận.

13. **Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao** là khu công nghệ cao tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

14. **Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao** là vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất một hoặc một số sản phẩm nông sản hàng hóa có lợi thế của vùng bảo đảm đạt năng suất, chất lượng cao, giá trị năng suất cao thân thiện với môi trường theo quy định của pháp luật.

15. **Thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng** là trường hợp thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp xảy ra trên phạm vi rộng trong một hoặc nhiều tỉnh, thành phố gây thiệt hại cho nhiều cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền xác nhận và thông báo về tình trạng thiên tai, dịch bệnh.

16. **Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng** là sự kiện gây rủi ro, thiệt hại xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

17. **UBND**: Ủy ban nhân dân.

18. **NHNN**: Ngân hàng Nhà nước.

19. Các từ ngữ khác được hiểu như quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank và các văn bản có liên quan.

**Điều 3. Các lĩnh vực cho vay.**

1. Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ;
2. Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn;
3. Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp;
4. Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn;
5. Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;
6. Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn;
7. Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

#### **Điều 4. Nguyên tắc cho vay**

1. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định hiện hành về cho vay của Agribank.
2. Khách hàng được vay không có tài sản bảo đảm theo mức quy định tại văn bản này. Trường hợp khách hàng có nhu cầu vốn vay cao hơn mức vay không có tài sản bảo đảm quy định tại Quy chế này thì phần vay vượt thực hiện theo quy định hiện hành về cho vay của Agribank.

## **Chương II**

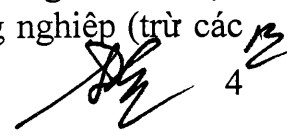
### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Mức cho vay và phương thức cho vay**

1. Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận mức cho vay theo quy định hiện hành của Agribank và của pháp luật.
2. Căn cứ vào phương án, dự án sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống, mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng, Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận áp dụng phương thức và quy trình, thủ tục cho vay phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng như cho vay lưu vụ, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay từng lần...và các phương thức cho vay khác phù hợp với quy định cấp tín dụng của Agribank.

#### **Điều 6. Cơ chế bảo đảm tiền vay**

1. Agribank nơi cho vay được xem xét, quyết định cho vay không có bảo đảm tài sản, có bảo đảm bằng tài sản theo quy định tại văn bản này và các quy định hiện hành khác của Agribank.
2. Đối tượng và mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản:
  - a) Đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, chủ trang trại, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã theo các mức sau:
    - (i) Tối đa 50 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (trừ các



trường hợp nêu tại Tiết (iii) Điểm a Khoản 2 Điều này);

(ii) Tối đa 100 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn; cá nhân và hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp (trừ các trường hợp nêu tại Tiết (iii) Điểm a Khoản 2 Điều này);

(iii) Tối đa 200 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình đầu tư cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm;

(iv) Tối đa 300 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh;

(v) Tối đa 500 triệu đồng đối với hộ nuôi trồng thủy sản, hộ khai thác hải sản xa bờ có ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với tổ chức chế biến và xuất khẩu trực tiếp;

(vi) Tối đa 01 tỷ đồng đối với hợp tác xã, chủ trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

(vii) Tối đa 02 tỷ đồng đối với hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ; các chủ trang trại nuôi trồng thủy sản; liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (không bao gồm các đối tượng thuộc Tiết (viii) Điểm a Khoản 2 Điều này);

(viii) Tối đa 03 tỷ đồng đối với liên hiệp hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ.

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vay theo mô hình liên kết

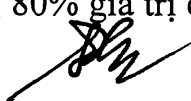
(i) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ký hợp đồng cung cấp, tiêu thụ đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Agribank nơi cho vay xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án vay theo mô hình liên kết.

(ii) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu mối (sau đây gọi chung là tổ chức đầu mối) ký hợp đồng thực hiện dự án liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Agribank nơi cho vay xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 80% giá trị của dự án, phương án sản xuất kinh doanh theo mô hình liên kết.

c) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vay theo mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(i) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Agribank nơi cho vay xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc tiêu thụ sản phẩm là kết quả của việc sản xuất ứng dụng công nghệ cao của khách hàng.

(ii) Các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Agribank nơi cho vay xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 80% giá trị của

  
5

dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

d) Khách hàng vay theo Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này phải cam kết chuyển toàn bộ doanh thu từ dự án, phương án vào tài khoản mở tại Agribank nơi cho vay.

### 3. Nộp, quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

a) Các đối tượng khách hàng được vay không có tài sản bảo đảm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải nộp cho Agribank nơi cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với các đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) hoặc giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do UBND cấp xã xác nhận.

b) Khách hàng chỉ được sử dụng giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tại một tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng giấy xác nhận trên để vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại Quy chế này.

b) Việc nhận và bảo quản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do UBND cấp xã xác nhận theo các quy định hiện hành của Agribank như đối với giấy tờ có giá.

### **Điều 7. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và Agribank nơi cho vay thỏa thuận phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam và của Agribank trong từng thời kỳ.

2. Trường hợp các chương trình tín dụng cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ thì mức lãi suất và phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Những khoản cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn từ nguồn vốn của Chính phủ hoặc các tổ chức, cá nhân ủy thác thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc của bên ủy thác.

### **Điều 8. Thời hạn cho vay**

1. Agribank nơi cho vay và khách hàng căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn cho vay của Agribank để thỏa thuận thời hạn cho vay, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đối với khách hàng.

2. Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi đối với các khoản cho vay lưu vụ theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Quy chế này.

### **Điều 9. Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới**

#### 1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

-Khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, Agribank nơi cho vay xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng.



- Chỉ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ 01 (một lần) đối với một khoản nợ.

## 2. Cho vay mới

Khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, Agribank nơi cho vay căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, thực hiện trả được nợ cũ và nợ mới.

3. Agribank nơi cho vay căn cứ khả năng tài chính của mình để xem xét thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn như: miễn, giảm lãi tiền vay, lãi quá hạn, ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau theo quy định hiện hành.

## **Điều 10. Khoanh nợ, xóa nợ**

1. Khách hàng vay vốn thuộc đối tượng chính sách **phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ** trong quá trình sản xuất kinh doanh bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, gặp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng được chính phủ xem xét quyết định khoanh nợ không tính lãi, xóa nợ, xóa lãi.

2. Hồ sơ đối với trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản do gặp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng, cần xử lý khoanh nợ gồm:

a) Giấy đề nghị khoanh nợ do khách hàng vay vốn lập;

b) Văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh);

c) Phương án phục hồi sản xuất kinh doanh khả thi trong thời gian khoanh nợ, phương án trả nợ sau thời gian khoanh nợ do khách hàng lập và được Agribank nơi cho vay thẩm định, chấp thuận;

d) Biên bản xác định thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh đối với đối tượng vay vốn (do Agribank nơi cho vay và khách hàng lập), ghi rõ mức độ bị thiệt hại về tài sản trên tổng số vốn thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh khi đề nghị vay vốn và số vốn vay bị thiệt hại. Biên bản xác định thiệt hại có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, cụ thể:

(i) Khách hàng là doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã: xác nhận của UBND cấp tỉnh;

(ii) Khách hàng là hộ kinh doanh, hợp tác xã, chủ trang trại: xác nhận của UBND cấp huyện;

(iii) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác: xác nhận của UBND cấp xã.

đ) Bản sao hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày đề nghị khoanh nợ có xác nhận của Agribank nơi cho vay;

e) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

3. Hồ sơ đề nghị khoan nợ đối với trường hợp khách hàng là tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại về tài sản do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, cần xử lý khoan nợ bao gồm:

a) Giấy đề nghị khoan nợ do khách hàng vay vốn lập;

b) Phương án phục hồi sản xuất kinh doanh khả thi trong thời gian khoan nợ, phương án trả nợ sau thời gian khoan nợ do khách hàng lập và được Agribank nơi cho vay thẩm định, chấp thuận;

c) Biên bản xác định thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng đối với đối tượng vay vốn (giữa Agribank nơi cho vay với khách hàng), ghi rõ mức độ bị thiệt hại về tài sản trên tổng số vốn thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị vay vốn và số vốn vay bị thiệt hại. Biên bản xác định thiệt hại có xác nhận của UBND cấp huyện (đối với hợp tác xã) hoặc UBND cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã);

d) Bản sao hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày đề nghị khoan nợ có xác nhận của Agribank nơi cho vay;

đ) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị xóa nợ đối với khách hàng là tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được áp dụng các biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, được khoan nợ mà vẫn gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ, cần xử lý xóa nợ bao gồm:

a) Giấy đề nghị xóa nợ do khách hàng vay vốn lập, trong đó nêu rõ nguyên nhân khó khăn, không có khả năng trả nợ sau khi đã được khoan nợ, số tiền nợ (gốc, lãi) đề nghị xóa nợ có xác nhận của UBND cấp huyện (đối với hợp tác xã) hoặc UBND cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã);

b) Tài liệu chứng minh khách hàng đã được Agribank khoan nợ, trong đó nêu rõ số tiền và thời gian khoan nợ;

c) Bản sao hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày đề nghị xóa nợ có xác nhận của Agribank nơi cho vay;

d) Bản sao báo cáo tài chính của khách hàng 02 (hai) năm liên tục liền kề trước năm đề nghị xóa nợ đã được kiểm toán và báo cáo tài chính của khách hàng đến thời điểm đề nghị xóa nợ, trong đó thể hiện khách hàng liên tục bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ vay;

đ) Văn bản của Agribank nơi cho vay đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ, trong đó ghi rõ nguyên nhân, số tiền nợ (gốc, lãi) đề nghị xóa nợ;

e) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

4. Trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ, xóa nợ

a) Lập hồ sơ đề nghị khoan nợ, xóa nợ:





(i) Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng, cần xử lý khoanh nợ, sau khi UBND cấp tỉnh có văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng, Agribank nơi cho vay phối hợp khách hàng lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị khoanh nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

(ii) Trường hợp khách hàng là tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại về tài sản do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, cần xử lý khoanh nợ, Agribank nơi cho vay phối hợp khách hàng lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị khoanh nợ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

(iii) Trường hợp khách hàng là tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được áp dụng các biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, được khoanh nợ mà vẫn gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ, cần xử lý xóa nợ, Agribank nơi cho vay phối hợp khách hàng lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị xóa nợ theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Agribank chi nhánh loại I, loại II tập hợp hồ sơ và số liệu chi tiết đề nghị khoanh nợ, xóa nợ theo quy định, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là NHNN chi nhánh) đồng thời gửi về Agribank (qua Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân);

c) Agribank tổng hợp số liệu toàn hệ thống đề nghị khoanh nợ, xóa nợ gửi NHNN và Bộ Tài chính;

d) Việc khoanh nợ không tính lãi, giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại trước khi thực hiện khoanh nợ, xóa nợ thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông báo của NHNN.

## **Điều 11. Trích lập dự phòng**

### **1. Trích lập dự phòng rủi ro**

Agribank nơi cho vay thực hiện việc trích lập dự phòng để xử lý rủi ro đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định như sau:

a) Đối với khoản cho vay không có tài sản bảo đảm được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này, Agribank nơi cho vay được quyết định mức trích lập dự phòng rủi ro tối thiểu bằng 50% mức trích lập dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành đối với các khoản cho vay tương tự thuộc lĩnh vực khác;

b) Đối với khoản cho vay có tài sản bảo đảm:

(i) Tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản bảo đảm của các khoản cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tối đa bằng 100% so với tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm tương ứng của khoản vay lĩnh vực khác.

### **2. Xử lý rủi ro**

Agribank nơi cho vay thực hiện xử lý rủi ro cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn theo quy định hiện hành.

## **Điều 12. Bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm tín dụng trong cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn**

Khách hàng tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay, Agribank nơi cho vay xem xét giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm, so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng:

## **Điều 13. Bộ hồ sơ cho vay chuỗi giá trị nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao**

Ngoài hồ sơ cho vay theo quy định hiện hành của Agribank, phải có thêm các tài liệu sau:

1. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp:

a) Phương án, dự án sản xuất kinh doanh theo mô hình liên kết.

b) Hợp đồng thực hiện mô hình liên kết với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

a) Có dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất, kinh doanh trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

b) Giấy chứng nhận là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao);

c) Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc tiêu thụ sản phẩm là kết quả của việc sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

## **Điều 14. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn**

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Agribank nơi cho vay về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận với Agribank nơi cho vay.

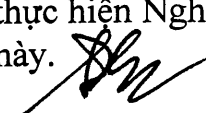
3. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật có liên quan khi vay vốn tại Agribank nơi cho vay.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 15. Giao Tổng giám đốc:**

a) Tổ chức triển khai, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Thông tư 10/2015/TT-NHNN và Quyết định này.



- b) Ban hành văn bản hướng dẫn:
- (i) Mức trích lập dự phòng rủi ro;
  - (ii) Tỷ lệ khấu trừ đối với từng loại tài sản bảo đảm;
  - (iii) Mức giảm lãi suất đối với khách hàng tham gia mua bảo hiểm theo quy định tại văn bản này;
  - (iv) Ban hành các sản phẩm tín dụng phù hợp với đối tượng vay vốn;
  - (v) Ban hành các mẫu biểu có liên quan.
  - (vi) Thực hiện báo cáo NHNN Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) kết quả tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư 10/2015/TT-NHNN.

**Điều 16. Điều khoản chuyên tiếp**

- a) Các khoản cho vay trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được Agribank nơi cho vay và khách hàng tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký.
- b) Trường hợp một đối tượng có nhiều chính sách hỗ trợ quy định tại Quy chế này thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể ngày 25 tháng 7 năm 2015, thay thế Quyết định số 881/QĐ-HĐQT-TDHo ngày 16/7/2010 về ban hành “Quy định thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”.

Mọi sửa đổi, bổ sung do Hội đồng thành viên quyết định.

**Nơi nhận:**

- Thống đốc NHNN (báo cáo);
- Cơ quan thanh tra, giám sát NH (báo cáo);
- Vụ TD các ngành kinh tế (báo cáo);
- Vụ Chính sách tiền tệ (báo cáo);
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- HĐTV, Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ủy Ban, Ban, Trung tâm tại TSC;
- VPĐD, Đơn vị sự nghiệp;
- CN Sở giao dịch, loại I, II;
- Lưu: VP, PC, BTK, HSX.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



*Trình Ngọc Hành*